

# TỪ NHIỀU NGHĨA VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

## I – TỪ NHIỀU NGHĨA

### 1. Đọc bài thơ sau :

#### NHỮNG CÁI CHÂN

*Cái gậy có một chân  
Biết giúp bà khỏi ngã.  
Chiếc com-pa bố vẽ  
Có chân đứng, chân quay.  
Cái kiềng đun hàng ngày  
Ba chân xoè trong lửa.  
Chẳng bao giờ đi cả  
Là chiếc bàn bốn chân.  
Riêng cái võng Trường Sơn  
Không chân, đi khắp nước.*

(Vũ Quần Phương)

### 2. Tra từ điển để biết các nghĩa của từ *chân*.

3. Tìm thêm một số từ khác cũng có nhiều nghĩa như từ *chân*.
4. Tìm một số từ chỉ có một nghĩa, ví dụ : *com-pa, kiềng, ...*

**Ghi nhớ**

*Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa.*

## II – HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ

1. Tìm mối liên hệ giữa các nghĩa của từ *chân*.
2. Trong một câu cụ thể, một từ thường được dùng với mấy nghĩa ?
- 3\*. Trong bài thơ *Những cái chân*, từ *chân* được dùng với những nghĩa nào ?

**Ghi nhớ**

- **Chuyển nghĩa** là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra những từ nhiều nghĩa.
- Trong từ nhiều nghĩa có :
  - **Nghĩa gốc** là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
  - **Nghĩa chuyển** là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.
- Thông thường, trong câu, từ chỉ có một nghĩa nhất định. Tuy nhiên trong một số trường hợp, từ có thể được hiểu đồng thời theo cả nghĩa gốc lẫn nghĩa chuyển.

## III – LUYỆN TẬP

1. Hãy tìm ba từ chỉ bộ phận cơ thể người và kể ra một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của chúng. Ví dụ :

**chân** : *chân bàn, chân giường, chân núi, chân đê, chân trời, ...*

2. Trong tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

3. Dưới đây là một số hiện tượng chuyển nghĩa của từ tiếng Việt. Hãy tìm thêm cho mỗi hiện tượng chuyển nghĩa đó ba ví dụ minh họa :

a) Chỉ sự vật chuyển thành chỉ hành động : *cái cửa* → *cửa gỗ*.

b) Chỉ hành động chuyển thành chỉ đơn vị : *gánh củi đi* → *một gánh củi*.

4\*. Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi :

### NGHĨA CỦA TỪ "BỤNG"

Thông thường, khi nói đến ăn uống hoặc những cảm giác về việc ăn uống, ta nghĩ đến *bụng*. Ta vẫn thường nói : *đói bụng, no bụng, ăn cho chắc bụng, con mắt to hơn cái bụng, ... Bụng* được dùng với nghĩa "bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày".

Nhưng các cụm từ *nghĩ bụng, trong bụng mừng thầm, bụng bảo dạ, định bụng, ...* thì sao ? Và hàng loạt cụm từ như thế nữa : *suy bụng ta ra bụng người, đi guốc trong bụng, sống để bụng chết mang đi, ...* Trong những trường hợp này, từ *bụng* được hiểu theo cách khác : *bụng* là "biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra, đối với người, với việc nói chung".

(Theo Hoàng Dĩ Đình)

a) Tác giả đoạn trích nêu lên mấy nghĩa của từ *bụng* ? Đó là những nghĩa nào ? Em có đồng ý với tác giả không ?

b) Trong các trường hợp sau đây, từ *bụng* có nghĩa gì :

- Ăn cho ấm *bụng*.

- Anh ấy tốt *bụng*.

- Chạy nhiều, *bụng* chân rất săn chắc.

5. Chính tả (nghe – viết) : *Sợ Dừa* (từ *Một hôm, cô út vừa mang cơm đến giầu đem cho chàng*).

### ĐỌC THÊM

#### VỀ TỪ "NGỌT"

*Ngọt* biểu thị một khái niệm không sao thiếu được trong đời sống vật chất cũng như tình cảm của con người. Vừa mới ra đời, ta đã cần đến vị *ngọt* của dòng sữa mẹ. Lớn lên, ta càng cần hiểu thêm thế nào là *lời nói ngọt*. [...]

Đầu tiên, hãy nói đến cái nghĩa cơ bản, hoàn toàn vật chất của từ *ngọt*. [...]

Ngọt của mía, của đường phèn, mật ong hoặc của trái cây chín khác với cái ngọt của bát canh cua, của nước dùng nấu bằng thịt, xương. [...]

Trong đây chuyên phát triển nghĩa của *ngọt*, ta khó lòng mà bỏ qua được một nhận xét : khái niệm ngọt đã được con người lần lượt nhận thức qua năm giác quan. Từ cái ngọt nếm được bằng lưỡi, ta có cái ngọt ngửi thấy được nhờ mũi, do hai giác quan này rất gần nhau : *thoảng qua một mùi gì ngọt ngọt, mùi thơm ngọt của dứa* ; Rồi cơ hồ *ngọt* có thể nhìn thấy bằng mắt *giữa ngày xuân ngọt nắng, cái nắng vàng ngọt như mật [...]*, hay phối hợp cảm giác để thấy *dao bén ngọt, cắt cho ngọt tay liềm, [...]*. Từ đây, *ngọt* đã từ bỏ khá xa cái vị đường cụ thể ban đầu, và *ngọt* nghe được nhờ tai như *đàn ngọt hát hay, ngọt giọng* đã mang một ý nghĩa khá trừu tượng, tuy rằng *lời nói ngọt* chẳng qua cũng là *lời đường mật* mà ra, và trong lối so sánh ta vẫn dùng *nói ngọt như mía lùi* cứ y như là giữa hai cái ngọt này chưa bao giờ có sự chia tách về nghĩa vậy [...].

(Đào Thân, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*,  
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 16 – 18)